

XUẤT SẮC HẠO

VỊ TRUNG  
731



PHIÊN BẢN MỚI



**XIUSAN HAO**

**VĂN HỌC NHẬT BẢN**



**ĐỘI**

**VI TRÙNG 731**

**NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG**

**1987**

LÊ BAU *dịch*

## LỜI GIỚI THIỆU

**T**RONG cuốn sách này, Xiusan Hao đã viết ra tất cả những gì mắt thấy tai nghe trong thời gian tác giả là « thành viên » của đội « Ôn dịch 731 ».

Xiusan Hao là người Nhật Bản, sinh vào tháng 12 năm 1928, tới gặp trường trung học vào giữa năm thứ tư để tham gia đội quân Quan Đông, Nhật Bản, « vì Thiên Hoàng », « vì thắng lợi cuối cùng của Nhật Bản » và cũng vì những giấc mơ quyền lực và đất liền « do sách báo quân sự và những tiểu thuyết mạo hiểm « tiến về đại lục địa » đang lưu hành ở nước Nhật phát xít lúc bấy giờ vậy gọi ».

Tác giả rời Nhật Bản ngày 31 tháng 3 năm 1945, và ngày 6 tháng 4 năm đó tới Bình Phòng, Mãn Châu, nơi đặt doanh trại của đội 731. Cho đến ngày 23 tháng 8 năm 1945, Nhật Bản đầu hàng thì tác giả cũng với những người sống sót của đội 731 trở lại thành phố cảng, nơi hơn năm tháng trước tác giả đã từ đó ra đi. Ngay sau hôm trở về, đội 731 giải tán với lời tuyên thệ nghiêm khắc: « Tuyệt đối không được kể những việc đã làm của mình với bất cứ ai, dù người đó là cha mẹ anh em ruột thịt ».

Thêm vào đó, gần hai tháng sau khi về nước, tác giả lại nhận được một huấn lệnh về việc giữ bí mật của đội 731.

Ba năm sau, vào thượng tuần tháng 4 năm 1948, bỗng nhiên cảnh sát tìm gặp tác giả để điều tra xét hỏi. Họ hỏi :

— Có phải anh đã làm việc ở bộ phận y vụ của quân Quan Đông không ?

Ban đầu tác giả tưởng họ đến hỏi và bắt mình là tội phạm chiến tranh, nên vô cùng kinh hãi. Nhưng họ lại không hỏi về vấn đề đó, mà chỉ hỏi lời ông thuộc đọc hiện nay ở ở đâu. Khi tác giả cho biết, ông thuộc đó được bỏ vào trong chiếc túi nhỏ cùng với lá bùa hộ mệnh và bị rơi mất ở đâu không biết, thì bọn cảnh sát liền mở tiếp những cuộc điều tra.

Chúng thăm tra nhiều người trong công ty về mọi hành động của tác giả kể từ khi làm việc ở đó, đồng thời xem xét tỉ mỉ sổ sách ghi những chuyến đi công cán xa của mọi người

trong công ty. Kết quả điều tra cho thấy, kể từ ngày về nước, tác giả chưa hề đi Tokyo. Về sau cảnh sát giải thích cho tác giả biết:

— Chúng tôi cho rằng số thuốc độc sianalpôtatsium mà bọn tội phạm dùng trong vụ Ngân hàng Quốc tế ở Tokyo là từ trong quân đội mà ra, vì vậy cần phải điều tra chuyện đó.

Sau vụ ống thuốc độc, tác giả càng không dám lộ cho ai biết mình là người của đội 731, nhưng công ty lại nghi tác giả là một phạm nhân. Xiusan Hao đành phải bỏ việc và chịu cảnh thất nghiệp.

Sau khi mất việc, tác giả ngày đêm lo lắng, không yên tưởng rằng cảnh sát đã biết « điều bí mật riêng tư » này. Sau đó tác giả đi nghe ngóng, dò hỏi các đồng sự cũ thì được biết tất cả họ đều bị cảnh sát điều tra thăm vấn về ống thuốc độc mà họ được phát khi rời doanh trại của 731, để tự sát trong trường hợp những bí mật của 731 bị bại lộ. Nhưng chính Iro Ixi, trung tướng, tư lệnh trưởng của đội quân 731 đã khai ra tất cả với cảnh sát, đã ra trình diện với quân đội Mỹ. Hắn được Mỹ đưa về Hoa Kỳ cùng toàn bộ bí mật của 731 để tiếp tục hợp tác với Mỹ và chiến tranh vi trùng.

Trong nhiều năm liền, có thể nói suốt từ năm 18 tuổi, khi bắt đầu bước vào đời và cũng là bước vào tội ác của đội 731, cho đến năm 28 tuổi, tác giả luôn luôn hoảng sợ trước vấn đề « Tội phạm chiến tranh » của đội 731 mà bản thân tác giả dù muốn dù không cũng đã từng nhúng tay vào. Những tiếng kêu thảm thiết của những tù binh người ngoại quốc, được mệnh danh là những « súc gỗ », bị đem làm vật thí nghiệm, luôn luôn dội vào tai tác giả. Cái cảm giác kinh hoàng, khủng khiếp vẫn ám ảnh tác giả mỗi khi nhớ lại những bàn tay trần sục vào đồng thịt xương rữa nát của tù binh bị thiêu cháy dở dang trước khi đội quân này tháo chạy. Một biển lửa thiêu đốt doanh trại khi rút chạy như còn đọng trong đáy mắt mãi mãi không phai mờ, cảnh tượng ấy đã làm cho tác giả có sự miễn cảm đặc biệt đối với lửa. Tất cả, tất cả đều đè nặng, trên tâm hồn và thể xác của người thanh niên mới lớn lên với một địa vị xã hội thấp kém.

Đã thế tác giả còn phải đeo đẳng mãi cái lời thề khắc nghiệt giữ bí mật đến chết về cái tội ác của cái lò sát sinh 731.

Chính vì nỗi lo sợ triển miên đó mà khi cuốn sách viết xong, tác giả đã từ bỏ ý định ghi tên thật của mình lên đầu cuốn sách. Tên tác giả cuốn sách này chỉ là bút danh.

Đề bảo đảm an toàn cho bạn bè, đồng sự cũ - những người cũng đang sống âm thầm, khắc khoải với nỗi lo sợ triển miên - tác giả đã đặt cho họ mỗi người một cái tên khác. Riêng bạn đầu số cao cấp nhất, tác giả đã gọi đúng tên thật của bạn chúng.

Quyển sách này không phải là tài liệu điều tra, mà chỉ là một số sự việc mà tác giả đã chứng kiến trong gần 5 tháng làm việc tại doanh trại 731. Chính vì vậy mà những điều viết trong sách không thể vạch rõ được bộ mặt cũng như không thể kể hết được tội ác trong nhiều năm của đội quân vi trùng 731.

Vậy bộ mặt thật và cơ cấu tổ chức của đội 731 ra sao?

Đội quân này được thành lập vào mùa hè năm 1935 ở Cáp Nhĩ Tân dưới một cái tên rất đối bình thường: *Trạm cung cấp nước và phòng dịch tạm thời* của đội quân Quan Đông, do trung tướng quân y Iro Ixi (lúc đầu là đại tá) trực tiếp chỉ huy. Bởi vậy, nó còn có một danh là «*Đội I Xi*». Năm 1942 trạm cung cấp nước và phòng dịch được đổi thành «*Đội 731*».

Tuy gọi là «*đội*», nhưng ngay từ năm 1938, nó đã trở thành một trung tâm nghiên cứu «*khoa học*» có thể nói là lớn nhất thế giới lúc bấy giờ. Kể từ năm 1911, khi phát xít Đức bắt đầu tiến công xâm lược Liên Xô thì các công cuộc nghiên cứu, thí nghiệm, sản xuất vi trùng của 731 bành trướng và phát triển hơn bao giờ hết.

Trung tâm nghiên cứu này được xây dựng ở cách thành phố Cáp Nhĩ Tân về phía Nam hai mươi cây số và về phía Tây cách ga Bình Phong tám cây số. Đề bảo đảm an toàn và giữ được bí mật tuyệt đối cho nó, khu vực này được coi là «*Khu quân sự đặc biệt*» của đội quân Quan Đông, sân bay dùng riêng cho một phi đội máy bay tiêm kích bảo vệ. Nó có quyền hạn hạ bất cứ loại máy bay nào bay trên khu vực này nếu không được phép (máy bay vận tải có sân bay riêng). Mặc dù được xây dựng trên khu đồng cỏ hoang vu nhưng cả doanh trại được bao bọc bằng một bức tường cao với chu vi là 50 kilômét, trên tường còn dăng thêm nhiều lớp dây

thép gai chẳng chịt có truyền điện cao thế. Khu trung tâm cũng có bức tường như thế bao kín, trong đó có tòa đại lâu còn đồ sộ hơn cả tòa đại lâu lớn nhất và nổi tiếng nhất ở Tôkyô. Thủ đô Nhật Bản lúc bấy giờ. Đó chính là khu thí nghiệm-nghiên cứu, sản xuất Ngoài những người làm việc ở khu trung tâm, không một ai được phép ra vào, kể cả những người bảo vệ. Ngay những người làm việc ở khu trung tâm cũng chỉ được phép đi - nhưng không được phép kẻ - riêng công việc của mình và cũng bị nghiêm cấm ra vào các phòng, ban khác. Ở khu này có nhà giam bí mật để giam giữ tù binh người Liên Xô, Mông Cổ, Triều Tiên. Trung Quốc. Chúng cho họ ăn uống đầy đủ, giữ sức khỏe cho họ cốt để làm vật thí nghiệm các loại vi trùng. Làm vật thí nghiệm đến khi chết, xác họ bị thiêu thành tro.

Ngay sau khi trung tâm này được xây dựng xong hoặc một đã có hơn 2600 người, phần lớn là các nhà khoa học, giáo sư, bác sĩ có liên quan tới việc nghiên cứu vi trùng học ở các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học, các trường đại học y khoa trên khắp đất nước Nhật Bản đã được đưa về làm việc ở đây với danh nghĩa là người làm hợp đồng cho quân đội.

Riêng về mặt sản xuất và bảo quản vi trùng, đội 731, theo tài liệu thẩm vấn của tòa án Liên Xô trong phiên tòa xét xử quân nhân lục quân Nhật Bản chuẩn bị và sử dụng vũ khí vi trùng mở tại Khabarovsk từ ngày 25 đến 30 tháng 11 năm 1949, cho biết: Những thùng lớn chứa dung dịch dinh dưỡng để sản xuất vi trùng có bốn chiếc, dung lượng của mỗi thùng là một tấn. Thùng đóng mở tự động dùng cho máy khử trùng dung dịch dinh dưỡng có 14 chiếc, mỗi chiếc dài 3 mét với đường kính 1 mét 50. Mỗi máy khử trùng như thế có thể chứa ba mươi bộ gậy giống, đặc biệt do chính Iro Ixi, tư lệnh trưởng chỉ huy đội 731 phát minh chế tạo. Ngoài ra còn hai phòng lạnh cất giữ mỗi thùng gậy giống mỗi phòng có thể chứa một trăm bộ gậy giống và 620 máy « điều chỉnh nhiệt độ năm chiếc một » cho một bộ gậy giống kiểu Iro Ixi ».

Năng lực sản xuất vi trùng của 731 chỉ trong ít ngày của một chu kỳ sản xuất cũng lên tới con số « thiên văn ». Chính bản thân 731 cũng không có cách nào tính được số vi trùng đó theo số học Chúng đã phải lấy ki-lô làm đơn vị để tính số lượng vi trùng.

Trưởng phòng sản xuất (phòng bốn) của 731 là thiếu tướng bác sĩ quân y Cavaxima đã cung khai: « Theo thiết bị sản xuất hiện có và năng lực sản xuất của nó mà nói thì ở đây mỗi tháng có thể sản xuất 300 ki-lô vi trùng dịch hạch... » (tài liệu đã dẫn).

Kết quả cuối cùng của việc nghiên cứu và sản xuất vi trùng này là những vụ dịch thương hàn, dịch tả, đậu mùa, dịch hạch... lớn do 731 gây ra, đã làm chết hàng nghìn người cùng với hàng loạt làng xóm của người Mãn Châu bị đốt trụi với lý do ngăn chặn bệnh dịch lan truyền.

Và số phận của hơn 3000 người tù ngoại quốc đưa tới cho 731 từ năm 1940 đến 1945, khi được hồi lại là Cavaxima, thiếu tướng quân y trưởng phòng bốn, đã khai:

Đội quân 731 đã xây dựng một nhà giam đặc biệt để giam giữ tù binh làm vật thí nghiệm. Nhà giam đặt ở giữa khu trung tâm. Để giữ bí mật, những người bị đem ra làm thí nghiệm được gọi là những « súc gỗ ». Họ bị giam giữ một cách nghiêm ngặt và hoàn toàn cách ly với thế giới bên ngoài...

Tù nhân khó tránh khỏi cái chết sau khi bị truyền vi trùng nhưng, nếu như được điều trị khỏi thì lại phải tiếp tục làm vật thí nghiệm lần thứ hai, thứ ba... cho đến khi nào chết hẳn mới thôi. Vì muốn tìm ra các phương pháp điều trị, những người bị thí nghiệm đó đều được điều trị, được ăn uống « như bình thường ». Đến khi bình phục hoàn toàn, họ lại bị đem ra làm thí nghiệm về một loại vi trùng khác.

Tóm lại, không một ai sống sót để thoát khỏi cái lò sát sinh đó... »

Đội 731 ngay từ khi còn là « Trạm cung cấp nước và phòng dịch tạm thời » đã tỏ rõ được « tài năng và sự mẫn cảm » của mình. Ngày 2 tháng 10 năm 1939, chúng đã nhận được bằng khen của Trung tướng tư lệnh quân đoàn thứ sáu quân Quan Đông.

Vi trùng mà 731 sản xuất ra được dùng theo ba phương pháp chủ yếu sau đây :

- Gieo rắc vi trùng bằng máy bay,
- Ném bom gồm trong đó có chứa vi trùng,
- Dùng trong các hoạt động phá hoại.



Các hoạt động phá hoại ở đây là đem vi trùng tằm vào bánh, kẹo rồi đem phát cho người ăn, hoặc thả xuống giếng nước để các vi trùng dịch tả, thương hàn, dịch hạch... lan dần thành dịch. Nếu chiến lược và chiến thuật quân sự cần phát quang một làng nào đó thì trước hết, phải làm cho làng đó phát ra bệnh dịch, sau đó mượn cơ tã dập tắt bệnh để đốt trại cả làng và cưỡng bức dân chúng trong làng di cư. Bởi vậy vào thời kỳ này đã có nhiều nạn dịch lan truyền vô cùng nhanh chóng mà không sao tìm ra nguyên nhân. Đến nay thì mọi người đã biết đó là do bàn tay của 731 gây ra.

Tội trạng của 731 đã được tòa án Liên Xô chứng minh rõ ràng. Trong phiên tòa này, Đại tướng Sơn Điền, tư lệnh quân Quan Đông, đã khai:

— «Đội 731 do tôi trực tiếp cai quản với tư cách quan tư lệnh quân Quan Đông. Tôi lãnh đạo chiến thuật của đội 731, tức là giải quyết mọi vấn đề sản xuất và sử dụng vũ khí vi trùng. Tất cả những mệnh lệnh hành động đều do tôi phát ra, bởi vì đội 731 là đội quân đặc biệt do quan tư lệnh quân Quan Đông là tôi trực tiếp cai quản...».

731 còn có một «đội bọ» đó là đội 100 cũng nổi tiếng không kém. Nó cũng có trách nhiệm nghiên cứu, thí nghiệm và chế tạo vũ khí cung cấp cho chiến tranh vi trùng. Đội 100 đặt ở gần thôn Mạnh Gia, cách Trường Xuân 10 cây số về phía nam. Nó vốn là đội «Phòng dịch cho ngựa» của đội quân Quan Đông đổi tên mà thôi. Nhiệm vụ chủ yếu của đội 100 là truyền vi trùng bệnh cho mục súc ở các mục trường, giếng nước, ao hồ và sông suối, nơi mục súc thường đều uống nước. Để thực hiện nhiệm vụ này, chúng cũng không loại trừ việc thí nghiệm trên con người, có điều không nhiều bằng 731.

Tuy chưa đủ mặt nhưng đã có tới mười hai tên tội phạm chiến tranh vi trùng thuộc hai đội này đứng trước vành móng ngựa, trong đó có 1 đại tướng, 2 trung tướng, 2 thiếu tướng, 1 trung tá, 2 thiếu tá. Một tên trong bọn này đã nói: «Tôi thấy điều đáng tiếc là những tên tội phạm chủ yếu có liên quan tới chiến tranh vi trùng lại không có mặt ở đây». Một tên khác nói rõ hơn: «Bọn phải chịu trách nhiệm nặng nề nhất về tội chuẩn bị chiến tranh vi trùng mà hiện nay chưa bị đưa ra tòa là tên tội phạm Thiên Hoàng và Iro Ixi...»

Vậy Iro Ixi là người như thế nào? Tại sao hắn vẫn sống ngoài vòng pháp luật và ai là kẻ bao che cho hắn?

Trung tướng Iro Ixi, tên thật minh và sáng lập ra đội quân vi trùng này đã tốt nghiệp tại viện y học đế quốc Kiôtô năm 1920. Năm 1921, hắn làm sĩ quan kiến tập phụ vụ tại đoàn 3, sư đoàn bộ binh cận vệ, về sau làm ở quân y viện Kiôtô của lực quân. Năm 1927, hắn là nghiên cứu sinh ở viện nghiên cứu của viện y học đế quốc Kiôtô, và được tặng bằng tiến sĩ. Thời gian từ 1928 đến 1930, Iro Ixi lưu học ở Đức; năm 1931 được bổ nhiệm công tác ở viện nghiên cứu phòng dịch trưởng quân y lực quân.

Trong cuốn sách này, tác giả cho biết, theo một số người biết về Iro Ixi nói, thì hắn có tới ba học vị tiến sĩ là tiến sĩ y học, tiến sĩ lý học và tiến sĩ công học. Điều đó không đúng. Trên thực tế Iro Ixi chỉ có một học vị là tiến sĩ y học mà thôi. Có thể bọn tướng tá lực quân muốn anh hùng hóa, phi thường hóa Iro Ixi nên đã tăng bổ lên như thế.

Ngày 9 tháng 8 năm 1945, Liên Xô bắt đầu chiến dịch tiêu diệt quân Quan Đông ở Mãn Châu, với sức tiến công như vũ bão, thì Bộ tư lệnh Nhật Bản đã ra lệnh cho 731: «Không được để lọt vào tay quân Nga bất cứ một tài liệu hoặc hiện vật nào dù nhỏ nhất». Và ngay đêm mùng 10 tháng 8 đội 731 đã thi hành mệnh lệnh đó. Bởi vậy khi tiến vào Cáp Nhĩ Tân, quân đội Liên Xô còn thấy nhiều binh lính Nhật Bản bị thương chưa di tản hết còn đầy trong bệnh viện và còn bắt được nhiều sĩ quan Nhật Bản cải trang để chạy trốn, nhưng khi vào chiếm Bình Phòng, vào đến cái «hang ma» này, thì tất cả đã bị thiêu hủy hoàn toàn.

Bộ tư lệnh quân đội Liên Xô ra lệnh truy nã tên Iro Ixi, trung tướng chỉ huy của đội 731, đồng thời cũng thông báo ngay cho người Mỹ đồng minh lúc ấy biết để cùng hành động. Chỉ mấy ngày sau, Mỹ đã gửi công hàm cho Liên Xô nói rằng: Bọn chỉ huy đội 731, kể cả tướng Iro Ixi không rõ trốn tránh ở đâu, vì vậy không có cơ sở để buộc chúng phạm các hành động tội ác chiến tranh.

Vậy Iro Ixi lẩn trốn ở đâu?

Nhà báo Mỹ John Paoonen sau một thời gian tìm kiếm, cuối cùng đã công bố cho mọi người biết rằng, trước khi quân đội Liên Xô vào thành phố Cáp Nhĩ Tân thì Iro Ixi đã kịp trốn chạy về nước và hắn đã ra trình diện Bộ tư lệnh quân Mỹ.

chiếm đóng ở Nhật Bản cùng với tất cả những tài liệu về đội 731 mà hắn mang theo.

Một cuộc mặc cả diễn ra giữa Iro Ixi và quân đội Mỹ. Iro Ixi đưa điều kiện: sẽ trao toàn bộ tài liệu về 731 có trong tay để đổi lấy việc người Mỹ không truy tố cũng như không đối xử với y như đối xử với một tội phạm chiến tranh. Lời cam đoan đó phải được ghi trên giấy.

Điều kiện đó được gửi về Mỹ và ngay ngày hôm sau, Mac Actơ, tư lệnh quân đội Mỹ ở Nhật Bản, nhận được điện của bộ ngoại giao Mỹ với những lời can đảm đại ý như sau:

1 - Tuyệt đối không viết giấy cam đoan vì điều đó có thể gây lúng túng khó khăn cho Mỹ về sau.

- Khai thác hết mọi bí mật của 731 qua hỏi cung Iro Ixi và bằng tình báo

3 Những tài liệu về 731 và những lời khai báo của Iro Ixi phải được giữ kín và sẽ không đưa ra làm tài liệu chứng cứ ở tòa án quân sự quốc tế.

Trong phần kết luận của bài báo « Một chương chưa biết đến trong lịch sử », nhà báo Paooen cho biết: « Trong lịch sử chiến tranh vì trùng, người ta còn phải tiếp tục viết những chương mới. Công trình « Nhà bếp của ma quỷ » đã được đưa từ Nhật Bản sang Mỹ, và giờ đây tội ác vẫn đang tiếp diễn ».

« Nhà bếp của ma quỷ » chính là tên một cuốn sách của một nhà báo Nhật Bản, ông Xeiinti Mòsimura viết về đội 731 này. Một nhà báo Nhật Bản khác, ông Ximôdatô, cộng tác viên của ông Mòsimata, đã lần mò sang Mỹ để lần tìm dấu vết của Iro Ixi. Ông đã đến nhiều nơi trên đất Mỹ như Niu Yoóc, Oasinhton, Chicagô, Xăng Phrăngxicô, Lốt Angiolét và cuối cùng đã đến được trung tâm nghiên cứu sản xuất vũ khí vì trùng đặt trong căn cứ quân sự Pho Đétơrich thuộc bang Marilen. Chính ở trung tâm nghiên cứu này, Ximôdatô biết được nhiều tài liệu giá trị có liên quan tới đội 731 được Oasinhton lưu trữ tại lầu Năm góc từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, với một bản đánh máy duy nhất. Trong số tài liệu đó, ngoài những lời khai và những thứ do Iro Ixi giao nộp, còn có nhiều lời khai có liên quan đến những hoạt động tội ác của 731, của các sĩ quan Nhật Bản khác như đó đóc

fiori, tư lệnh quân đoàn Iravati, các đại tá Inoue, Idô zughi, các trung tá Naitô, Maxuda, thiếu tá Caricô .

Như vậy là, sau khi Nhật Bản đầu hàng và chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc thì nhà « khoa học dịch hạch », tên tướng phát-xít, tội phạm chiến tranh Irô Ixi không những đã không bị trừng trị về tội trạng của hắn mà còn được Mỹ đưa sang Oasinhtoa để cộng tác với Mỹ, tiếp tục nghiên cứu chế tạo vũ khí vi trùng.

Mỹ đã sử dụng loại vũ khí vi trùng này ở Triều Tiên trong những năm chiến tranh vào đầu thập kỷ 50, và ở Cu Ba trong những năm cuối thập kỷ 70.

Như dân thế giới không thể không lo ngại khi thấy vào trung tuần tháng 9 năm 1983, quốc hội Mỹ đã chấp thuận dự luật cho phép Nhà Trắng chi 188 tỉ đô la cho chương trình vũ khí, trong đó đã dành một phần không nhỏ cho việc nghiên cứu chế tạo vũ khí hóa học và vũ khí vi trùng. Thực tế ngân sách quân sự Mỹ trong năm 1984 là 236 tỉ đô la, nếu tính cả số chi phí cho quân sự của Lầu Năm góc và các bộ khác.

Nhưng con số đó chưa dừng lại mà vẫn mỗi năm một tăng. Đường nhiều chi phí cho việc sản xuất vũ khí hóa học và vi trùng cũng tăng theo.

Đúng như lời nhà báo Mỹ Jôn Paoen đã nói: « Trong lịch sử chiến tranh vi trùng, người ta còn phải tiếp tục viết thêm những chương mới ».

Bởi vậy cuốn sách này vẫn mang tính thời sự nóng hổi của nó.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 1986

LÊ BẦU

## MỘT SĨ QUAN KHÔNG RÕ CHỨC VỤ

**H** tuần tháng 3 năm 1945, hưởng ứng lời kêu gọi của chính phủ động viên học sinh tổng quân, tôi quyết định đi Mãn Châu. Lúc bấy giờ Nhật đã hỏ Mãn và đảo Lưu Hoàng. Là một cậu học sinh trung học năm thứ tư, song theo đúng cách thức lúc bấy giờ, tôi vẫn tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của Nhật Bản. Sau khi một số bạn học rời trường tỉnh nguyện theo thiếu sinh không quân và các trường sĩ quan dự bị đặc biệt, lòng mong mỏi tổng quân, hy sinh cho Tổ quốc của tôi lại càng được củng cố hơn.

Trong tình trạng ấy, một hôm đột nhiên thầy giáo chủ nhiệm gọi tôi lên hỏi có muốn đi thiếu sinh quân ở đội « quân Quan Đông » không?

Ông không nói cho tôi biết mọi việc tương tận ra sao, mà chỉ nói rằng sẽ được qua Mãn Châu. Từ lâu tôi vốn có những ước mơ đẹp đẽ về đất liền. Niềm ước mơ ấy chính là do sách báo quân sự và những tiểu thuyết ly kỳ, mạo hiểm về « đại lục địa » đang thịnh hành lúc bấy giờ tạo ra cho tôi. Song ảnh hưởng trực tiếp hơn có lẽ là do những tấm bưu ảnh đẹp, giống như những phong cảnh mà tôi thường vẽ ra trong trí tưởng tượng được một người anh họ làm việc ở đường sắt Mãn Châu gửi về, cùng những câu chuyện kêu gọi lòng hiếu kỳ của con trẻ mà đôi khi về nước anh thường kể,

— Con xin đi! — Tôi trả lời thầy giáo như vậy.

Công việc được thu xếp rất nhanh.

Nhà trường cho phép tôi về nhà ngay để xin ý kiến của cha mẹ, và bắt buộc tôi phải có mặt ở trường trước hàng hôn để trả lời lần chót.

Anh tôi đã bị động viên đi lính, từ lâu không có tin tức gì, do đó thầy mẹ tôi không muốn để tôi đi xa. Song thầy tôi biết khó lòng ngăn cản nổi tôi, đành nói:

— Nay con đã quyết đi, thầy cũng đành vậy, nhưng...

Nhưng mẹ tôi đã ngăn lại:

— Trước sau thì con cũng phải đăng lính, vội vàng gì mà con đã...

Những lời nói có ý lo lắng về thời cuộc đó của mẹ tôi cũng không thể lay chuyển sự cả quyết trong tôi:

— Mẹ bảo đăng nào cũng phải đi, thế thì đi trước có phải được thăng quan tiến chức sớm hơn không?

Tôi nói cứng như thế, rồi tôi trở về trường ngay.

Thầy giáo sau khi biết thầy mẹ tôi đã đồng ý liền đưa ngay tôi tới phòng khách.

Một sĩ quen làm thủ tục chiêu mộ đã ở đó đợi tôi.

Người ấy tự xưng là Sung Y, là một chuyên viên quân sự đã đi khắp các ban chủ nhiệm của các trường trung học các huyện quanh vùng. Trên ngực bộ quần áo màu xanh cổ có gắn quân hiệu, trên đỉnh một hàng sao trắng sít nhau, trên vai cũng gắn một đường kim tuyến. Tôi nhìn người đó bằng cặp mắt thêm khát, ước ao mình có đủ tư cách được mặc bộ quần áo như thế.

— Về thành tích học tập của anh, tôi đã được nghe thầy giáo nói. Chúng tôi rất hoan nghênh những người thanh niên như anh đến làm việc với chúng tôi. Tuy là học sinh động viên, nhưng mọi việc lại hoàn toàn

giống như một quân nhân... Điều ấy cũng đáng để ta tự hào lắm chứ!

Sung Y nói bằng một giọng ôn tồn, rồi hỏi tôi về tình hình sức khỏe cũng như tình hình gia đình. Nhưng điều tôi muốn biết về tình chất công việc sắp tới thì Sung Y lại không nói cụ thể sẽ ra sao.

Sau đó Sung Y trao cho tôi ba trăm năm mươi yên bảo là tiền phụ cấp và dặn tôi:

— Mọi điều sẽ báo cho anh biết thêm sau. Anh chuẩn bị sẵn sàng để lên đường gấp.

Nói xong, người đó đi ngay.

Ba trăm năm chục đồng tiền phụ cấp này rõ ràng là một khoản lớn. Tuy còn non dại, nhưng tôi cũng lấy làm kinh ngạc về nó, bởi thực tế lúc ấy đời sống khá gay go, chật vật. Tôi thấy người con trai lớn của một người hàng xóm nhà tôi tốt nghiệp trung học về làm việc ở hội đồng hàng xã, lương một tháng cũng chỉ được có ba mươi năm yên, lương của hiệu trưởng trường tiểu học hàng tháng cũng chỉ trên dưới một trăm yên là cùng.

— Thế là thế nào nhỉ? Đưa nhiều tiền như thế để mang thẳng bé đi làm việc gì?

— Chẳng sao đâu! Cậu Hạo nhà mình chắc là đi làm một công việc quan trọng đấy. Chuẩn bị cho cậu ấy thật chu đáo vào.

— Nhưng thời buổi này, có tiền cũng chẳng mua được cái quái gì!

Mẹ tôi chuyện trò với những người hàng xóm như vậy, và bà vẫn không giấu nổi sự lo lắng, băn khoăn về khoản tiền to lớn đó. Có lẽ mẹ tôi nghĩ rằng, nếu như tôi có mệnh hệ nào thì khoản tiền này là tiền tuất cũng nên.

Gọi là chuẩn bị nhưng thực ra chẳng có cái gì để mà mua sắm. Quần áo và đồ đạc không mua được đã đành. Ngay đến kẹo bánh cũng chẳng thấy có chỗ nào bán.

Bốn ngày sau, tôi nhận được tám bưu thiếp báo ngày giờ lên đường.

Việc ấy đã làm cho thầy tôi, một con người thường ít chú ý đến công việc của con cái, cũng phải nói:

— Để thầy đưa con đi!

Tôi mặc bộ quần áo học sinh màu xanh cỏ, thô và thưa như vải màn, khoác ngoài một chiếc áo khoác có những hiếc khuy bằng tre, và đi đôi giày cao cổ cũ của anh tôi.

Tôi bỏ lại đằng sau người mẹ đang tựa cửa ngóng nhìn đề đi với thầy tôi lên nhà trọ đã được định sẵn trên thị trấn.

Tất cả có bốn đứa, kể cả tôi, tập hợp tại đó. Một cậu cùng huyện với tôi tên là Lai Su Y, còn hai cậu kia người huyện trên.

Ngoài tôi có người nhà đưa tiễn, thì cậu Su Y trông có vẻ thật thà như đấm cũng có mẹ đi kèm. Với cung cách giống nhau của những bậc cha mẹ không bao giờ muốn rời xa con mình thầy tôi và mẹ Su Y đã làm quen và chuyện trò với nhau.

— Thằng cháu nhà tôi, từ bé tới giờ chưa đi xa nhà lần nào nên tôi lo cho cháu quá đi mất. Vàng, thật thề... Các anh ở đây chăm nom em nó hộ tôi!

Mẹ Su Y đúng là một con người thực thà chất phác, bà lễ phép ngay cả với chúng tôi.

— Bà cứ nói thế, thằng cháu nhà tôi cũng vậy đấy. Rồi chúng nó thân nhau ngay đấy mà! Vì các cậu đều là lính cùng khóa.



Thầy tôi vừa cười vừa trả lời và lấy làm đặc ý khi dùng mấy chữ « lĩnh cùng khóa ».

— Thầy cháu mắt sớm, cháu lại là út, chạy được tiền cho cháu ăn học đến trung học thật vất vả ông ạ! Nhưng thầy giáo cứ khuyên răn mãi, với lại tình thế này, không thuận cho nó đi cũng không xong.

Tóc mẹ Su Y đã bắt đầu điềm bạc.

Ba đưa chúng tôi đều nhìn người mẹ già kể chuyện đời mình bằng cặp mắt tờ mờ. Su Y biết vậy, và cũng do sự thận trọng dè dặt của người thiếu niên mới lớn, cậu đã nói khẽ với mẹ bằng một giọng vừa trách móc vừa van lơn:

— Thôi mẹ, mẹ cứ nói những chuyện vớ vẩn ấy mãi làm gì!

Một lát sau, khi chỉ còn lại mấy đứa chúng tôi, Su Y liền bảo chúng tôi với một giọng hoàn toàn khác trước:

— Kể từ hôm nay, chúng ta đã là quân nhân, cần phải thay đổi lối sống cũ đi. Phải nghiêm chỉnh vào!

Chúng tôi lên đường, đến Mi En thì có thêm tám cậu nữa ở các huyện miền trung và một chuyên viên tên là Kao San cùng đợi chúng tôi ở sân ga.

Lúc đó, chẳng may chúng tôi bị vướng vào một cuộc không kích, và rất lo không biết đến bao giờ mới lại đi tiếp được. Nhưng vì chúng tôi thuộc loại quân nhân đặc biệt nên được đáp ngay chuyến xe của thiếu sinh quân đi thực tập.

Sau khi đến Hạ Quan chúng tôi lại hợp lại với những cậu ở nhiều quận huyện khác thành một đoàn.

Quyền không chế vùng biên và vùng trời ở khu eo bẻ Triều Tiên lúc này đã nằm trong tay địch, nên chúng tôi phải ăn chực năm chờ mất hai ngày mà tàu ben

vẫn không thấy đến độn. Sau đó hơn ba chục đứa thiếu niên chúng tôi, dưới quyền chỉ huy của chuyên viên Sung Y và chuyên viên Đa Gia, người chịu trách nhiệm chiêu mộ ở vùng Quan Đông, thuê một chiếc thuyền đánh cá, lợi dụng lúc đêm tối vượt biển đến Bạc Đa.

Từ lúc đó chúng tôi bắt đầu trở nên trầm lặng. Chúng tôi ai cũng thấy rằng hành động đó của mình có ít nhiều hi vọng. Mặc dầu số phận giống nhau, nhưng ngay đến cả những lời lẽ thân thiện đối với nhau, chúng tôi cũng cảm thấy phải giấu giếm đi, cho nên hầu như không ai có lấy một cử chỉ thân mật nào.

Khí ấy, ở phía bắc đảo Cửu Châu chính là lúc hoa anh đào đang nở rộ, nhưng trên bờ biển Bạc Đa lại âm ỉ những người đợi tàu thuyền nên chẳng ai còn tâm trí đâu mà đi ngắm hoa nữa.

Rạng sáng ngày mười một tháng ba, trên mặt biển mờ xa thấy loáng thoáng xuất hiện hai chiếc tàu màu trắng. Bờ biển Bạc Đa không có bến, nên chúng tôi phải lần lượt đi thuyền gỗ ra tầu. Vừa đặt chân lên tầu là đã có người đến dạy chúng tôi cách sử dụng phao cấp cứu. Nhưng rồi không hiểu sao tầu cứ nằm ở đó không chịu nhúc nhích. Chúng tôi đành bó gối ngồi chờ trong khoang tầu.

Trên tầu chúng tôi không được phép mở cửa sổ, không được phép lên boong. Những đêm dài dằng dặc trôi đi và sau đó lại là những buổi sớm cũng dài dằng dặc. Bứt rứt và đói khát bắt đầu tấn công chúng tôi. Mỗi đứa chúng tôi chỉ được ăn một chén cơm nhỏ như chiếc chén uống trà với bát canh cá tép. Dù rằng chỉ nằm dài chẳng phải làm gì mà vẫn thấy bụng dạ cồn cào. Tôi mở gói bánh dày khô mà mẹ tôi đã dúm vào túi xách cho tôi lúc ra đi.